

Bản án số: 331/2025/HS-PT
Ngày 13 - 5 - 2025

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Từ ngày 07/5/2025 đến ngày 13/5/2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 162/2025/TLPT-HS ngày 26/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2025/QĐXXPT-HS ngày 22/4/2025. Do có kháng cáo của các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Chí T1, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Đại D, Nguyễn Đức Q, của bị hại Trung tâm nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ Cao Thành phố H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo kháng cáo:

1) Hoàng Minh Bá Sinh ngày 13/01/1978 Thành phố Hồ Chí Minh Thường trú: Số B T, Phường B, Quận A, Thành phố H: Giám đốc Công ty T.S.T Trình độ văn hóa: 12/12 Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: o Phật giáo Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Thái S Phạm Thị M); Bị cáo có vợ đã ly hôn và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009 Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2023 – Có mặt.

2) Ngô Võ Kế Thành Sinh ngày 04/12/1980 Bình Định Thường trú: Số A B, Phường A, Quận A, Thành phố H: Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố H độ văn hóa: 12/12 Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt

Nam; Đảng phái: Đảng viên Đ5, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 480-QĐ/ĐUK ngày 18/10/2023 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Dân - Chính - Đảng Thành phố H; Con ông Ngô Đình N (đã chết) bà Võ Thị H Thu Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H1 và 01 con sinh năm 2012 Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt, tạm giam từ ngày 29/9/2023– Có mặt.

3) Nguyễn Đức Quỳnh Sinh ngày 31/10/1980 Thành phố Hồ Chí Minh Thường trú: Số E H, Phường A, quận P, Thành phố H: Chuyên viên Trung tâm nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố H độ văn hóa: 12/12 Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: MERGEFIELD Tôn giáo Công giáo Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trung H2 (đã chết) bà Dương Thị Kim H3 cáo có vợ tên Trần Thị Thùy P và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015 Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại– Có mặt.

4) Trần Duy P1 ngày 12/10/1978 Bình Thuận Thường trú: Số A B, phường H, Quận A, Thành phố H: Kế toán trưởng Công ty T.S.T Trình độ văn hóa: 12/12 Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H4 Ngô Thị Hai Bị cáo có vợ tên Đoàn Thị Mộng N1 và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019 Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại– Có mặt.

5) Nguyễn Đại Dương Sinh ngày LD Ngày sinh 07/01/1984 Thành phố Hồ Chí Minh Thường trú: Số A N, Phường E, quận B, Thành phố H nghiệp: Nhân viên Công ty T.S.T Trình độ văn hóa: 12/12 Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức L Vũ Thúy Liễu Bị cáo chưa có vợ con Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại– Có mặt.

6) Nguyễn Chí Thân Sinh ngày D Ngày sinh 30/3/1980 Vĩnh Long Thường trú: Số F T, phường B, quận B, Thành phố H ở: Số B N, Phường A, Quận F, Thành phố H nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH K4 Phát Trình độ văn hóa: 12/12 Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1 Huỳnh Thị Tua Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị P2 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019 Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại– Có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

Trung tâm nghiên cứu triển khai Khu công nghệ cao (Trung tâm R&D) thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố H;

Địa chỉ: Lô I, đường N, Khu công nghệ cao, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông Trịnh Xuân T2, chức vụ Phó giám đốc phụ trách trung tâm - Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1/ Ông Ngô Ngọc D1 là luật sư của Công ty L7 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H và ông Nguyễn Chí T3 là luật sư của Công ty L8 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Hoàng Minh B.

2/ Bà Lê Thị Thanh L2 là luật sư của Công ty L84âm và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đại D.

3/ Ông Lê Ngọc H5 là luật sư của Văn phòng L9 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Ngô Võ Kế T.

4/ Ông Ngô Minh T5 là luật sư của Công ty luật hợp doanh Anh Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T1.

5/ Bà Trần Giáng H6, là luật sư của Văn phòng L10, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Q.

6/ Ông Trần Đình D2 là luật sư của Công ty L11 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Trần Duy P3.

(Trong vụ án còn có các bị cáo Huỳnh Trọng N2, Trần Thị Bình M1, Phan Tất T6, Phạm Văn V, Phạm Tấn K, Đinh Minh H7, Nguyễn Trần L3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Pháp nhân chủ đầu tư, nhà thầu, các công ty tư vấn

1. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố H (viết tắt là Ban Q): Thành lập theo Quyết định số 3862/QĐ-UB ngày 06/8/2004 và trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố H (viết tắt là UBND Thành phố H); có nhiệm vụ tổ chức thực hiện dự án, xây dựng dự án, xây dựng Khu Nông nghiệp công nghệ cao theo mục tiêu dự án và quy định của pháp luật; có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách. Đinh Minh H7 là Trưởng Ban từ ngày 08/02/2014.

2. Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao Thành phố H (viết tắt là Trung tâm R1): Thành lập theo Quyết định số 52/2004/QĐ-UB ngày 08/3/2004 của UBND Thành phố H, trực thuộc Ban Q; là đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và thực nghiệm các sản phẩm khoa học công nghệ đã được nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới của thế giới vào trong nước; hoạt động theo phương thức đơn vị sự nghiệp có thu, được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng. Ngô Võ Kế T là Giám đốc từ ngày 15/4/2016.

3. Công ty TNHH T14 (viết tắt là Công ty T14): do Sở Kế hoạch và Đầu tư (viết tắt là Sở K5) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24/10/2001; trụ sở tại số B T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/9/2017, vốn điều lệ 15 tỷ đồng, có 02 thành viên góp vốn là Hoàng Minh B (76,67%), Phan Tấn Đ (23,33%). Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng thành viên, người đại diện pháp luật là Hoàng Minh B.

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, đấu thầu các dự án, Hoàng Minh B và vợ là Phan Thị Thanh H8 còn thành lập thêm 06 Công ty khác và nhờ người thân, nhân viên Công ty T14 đứng tên giám đốc, đại diện theo pháp luật, gồm: ⁽¹⁾ Công ty M7, do Lê Quang Đ1, nhân viên kinh doanh kiêm lái xe Công ty T.S.T đứng tên đại diện; ⁽²⁾ Công ty S3, do Nguyễn Dư M2, cháu của Phan Thị Thanh H8 đứng tên; ⁽³⁾ Công ty H17, do Hoàng Ngọc Trường S1, chú họ của Hoàng Minh B đứng tên; ⁽⁴⁾ Công ty T15, do Nguyễn Thị Thu V1, nhân viên Công ty T14 đứng tên; ⁽⁵⁾ Công ty C3 do Phan Thị Thanh H8 đứng tên; ⁽⁶⁾ Công ty B5, do Nguyễn Văn T7, nhân viên bảo vệ Công ty T14 đứng tên.

4. Các đơn vị liên quan tham gia các gói thầu tư vấn Dự án

- Công ty TNHH T16 (viết tắt là Công ty T16) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5 cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15/9/2016; trụ sở chính tại căn L17-11 tầng 17 tòa V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vốn điều lệ 1,9 tỷ đồng do Nguyễn Trần L3, Phó Giám đốc góp 40%, Nguyễn Tuấn A (em trai Nguyễn Trần L3) làm Giám đốc góp 60%; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/5/2020 Nguyễn Trần L3 làm Giám đốc, nhưng thực tế do Nguyễn Trần L3 điều hành và chỉ đạo hoạt động.

- Công ty TNHH MTV Q3 (viết tắt là Công ty Q3), do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5 cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24/7/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/3/2014; trụ sở tại G đường B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Giám đốc, đại diện pháp luật là Nguyễn Thị P2. Hiện Công ty đã dừng hoạt động.

- Công ty TNHH K6 (viết tắt là Công ty K6), do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5 cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/4/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20/7/2015; trụ sở tại số C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Giám đốc, đại diện theo pháp luật là Nguyễn Chí T1. Hiện Công ty đã dừng hoạt động.

- Công ty TNHH T17 (viết tắt là Công ty T17), do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5 cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/9/2012; trụ sở tại E N, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Giám đốc, đại diện pháp luật là Huỳnh Trọng N2.

- Công ty TNHH T17 (viết tắt là Công ty T17), do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5 cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/12/2005; trụ sở tại 2 Quốc lộ A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giám đốc, đại diện pháp luật là Phạm Văn V.

II. Hành vi phạm tội của các bị cáo

1. Hành vi “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”

Trong giai đoạn năm 2016 - 2018, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao và Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao được UBND Thành phố H giao triển khai, thực hiện đấu thầu (Chủ đầu tư) Dự án Đầu tư nâng cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm sản phẩm vi cơ điện tử Thành phố H (Thành phố Hồ Chí Minh viết tắt là Thành phố) và Dự án Hệ thống trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ công tác bảo tồn, lai tạo, phát triển nguồn giống nấm phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường Thành phố.

Kết quả điều tra xác định, Hoàng Minh B đã sử dụng các công ty do vợ chồng B thành lập làm “Q1 xanh”; chỉ đạo nhân viên dưới quyền hợp thức hồ sơ dự thầu; thông đồng với một số cá nhân thuộc Chủ đầu tư; gặp, nhờ một số cá nhân thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5 để Công ty T14 do B làm Giám đốc trúng 02 gói thầu mua sắm thiết bị của 02 Dự án Nấm và M3 với tổng giá trị 159.586.000.000 đồng, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 39.438.638.033 đồng, trong đó: Dự án Mems thiệt hại 6.117.682.742 đồng, Dự án Nấm thiệt hại 33.320.955.291 đồng. Cụ thể hành vi phạm tội của Hoàng Minh B và các đối tượng liên quan như sau:

1.1. Đối với Dự án Đầu tư nâng cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm sản phẩm vi cơ điện tử Thành phố H (viết tắt là Dự án Mems)

Dự án Mems được Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND) Thành phố cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách Thành phố tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016, cụ thể:

- Tên Dự án: Đầu tư nâng cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm sản phẩm vi cơ điện tử Thành phố H;

- Chủ đầu tư: Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao.

- Nhóm Dự án: Nhóm B.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ương tạo và phục vụ đào tạo; sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm vi cơ điện tử có giá trị gia tăng cao bằng công nghệ Mems theo Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND Thành phố về bổ sung các chương trình, dự án nhánh và một số nội dung của Chương trình Phát triển Công nghiệp vi mạch Thành phố H giai đoạn 2013 - 2020. Các thiết bị được đầu tư cho Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao (theo Dự án) sẽ được sử dụng để phục vụ công tác nghiên cứu chế tạo thử nghiệm một số sản phẩm điện tử ứng dụng trong lĩnh vực: cảm biến áp suất, cảm biến điện hóa cho các tác nhân sinh học, cảm biến siêu âm, cảm biến hóa chất...

- Địa điểm thực hiện: Lô I đường N, Khu Công nghệ cao, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian thực hiện (theo phê duyệt điều chỉnh): năm 2016 - 2019.

- Tổng mức đầu tư 79,981 tỷ đồng từ vốn ngân sách Thành phố.

- Cơ quan thẩm định, phê duyệt Dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5.

Ngày 14/9/2015, Ngô Võ Kế T ký Quyết định số 266/QĐ-TTR&D phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án Mems. Quá trình triển khai thực hiện, Trung tâm R&D chỉ định Công ty TNHH L12 (viết tắt là Công ty L12) ⁽¹⁾ “Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng”; Chi nhánh Công ty TNHH K7 (viết tắt là K7) ⁽²⁾ “Tư vấn thẩm định giá”; Công ty Q3 ⁽³⁾ “Tư vấn lập dự toán”; Công ty K6 ⁽⁴⁾ “Tư vấn thẩm tra dự toán”; Công ty T17 ⁽⁵⁾ “Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu “Cung cấp, lắp đặt và đào tạo vận hành thiết bị, tư vấn quản lý Dự án”; Công ty T16 ⁽⁶⁾ “tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu”.

Căn cứ Tờ trình của Trung tâm R&D, ngày 28/02/2017 Trần Thị Bình M1, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư ký phê duyệt Dự án với tổng mức đầu tư 79.981.477.100 đồng; ngày 11/5/2017, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

gồm 08 gói thầu, gói thầu số 8 là gói cung cấp, lắp đặt, đào tạo và vận hành thiết bị; ngày 19/01/2018, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, do 02 gói thầu “Tur vận lập dự toán và Tur vận thẩm tra dự toán” đã thực hiện nên còn lại 06 gói thầu, gói “Cung cấp, lắp đặt, đào tạo và vận hành thiết bị” từ số 8 thành gói thầu số 6. Ngày 12/02/2018, Trần Thị Bình M1 ký Quyết định số 36/QĐ-SKHĐT, phê duyệt dự toán Dự án, trong đó chi phí thiết bị (gói thầu số 6) là 73.129.650.000 đồng.

Gói thầu số 6 được tổ chức theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. Để đạt mục đích cho Công ty T.S.T của Hoàng Minh B trúng thầu Gói thầu số 6, các bị cáo đã thông đồng, thực hiện các hành vi sai phạm như sau:

Thông qua ông Nguyễn Chánh K1 (nguyên Giám đốc Trung tâm R1, hiện đã chết) giới thiệu, Ngô Võ Kế T đồng ý để Hoàng Minh B cùng cán bộ kỹ thuật Công ty T14 đến khảo sát và căn cứ vào trang thiết bị hiện có của Trung tâm, ý kiến của các chuyên gia, nguồn lực công ty của B để lập danh mục chi tiết 12 thiết bị bao gồm: Model, nguồn gốc xuất xứ, hãng sản xuất, cấu hình, thông số kỹ thuật chi tiết, giá đầu ra. T yêu cầu B sau khi trúng thầu phải thực hiện trọn gói lắp đặt tích hợp vào hệ thống cũ, hoàn thiện cho công trình chế tạo chip Mems đầy đủ cả phụ kiện kèm theo, xong trong năm 2016. Bá đã trực tiếp liên hệ với các hãng để thu thập thông tin, thông số kỹ thuật, giá đầu vào để lập danh mục chi tiết 12 thiết bị có đầy đủ thông tin theo yêu cầu của T, đồng thời nhờ vợ cũ là Phan Thị Thanh H8, thời điểm này đang là Phó Giám đốc Công ty T.S.T, dựa trên phương án mà B đã thống nhất với T để lập bảng chào giá chuẩn (*chào giá thiết bị, giá dự kiến sẽ trúng thầu cung cấp cho Trung tâm R1*) đứng tên Công ty M7 và lập thêm 02 báo giá khác có giá cao hơn đứng tên các Công ty T15 và H.

Sau đó, B chuyển danh mục thiết bị và các báo giá này cho T, T chuyển cho Nguyễn Đức Q, chuyên viên Trung tâm R&D để Q chuyển cho Trần Xuân T8, nhân viên Công ty L12 báo cáo Nguyễn Thị Quỳnh N3, Giám đốc đưa các danh mục theo báo giá của Công ty M7 vào phần kỹ thuật của báo cáo nghiên cứu khả thi; chỉ đạo Q liên hệ và chuyển qua thư điện tử cho Trần Thị Nguyên V2, nhân viên Công ty K7 Chi nhánh M8 để V2 báo cáo với Nguyễn Khánh T9, Thẩm định viên Chi nhánh M8 và Đào Ngọc H9, Giám đốc K7 sử dụng các báo giá các công ty của B để điều chỉnh lại Chứng thư thẩm định giá đã phát hành trước đó của 27 danh mục thiết bị trị giá 73.369.000.000 đồng xuống còn 12 danh mục thiết bị trị giá 73.129.650.000 đồng, chỉnh sửa kéo dài thời gian hiệu lực của chứng thư từ 03 tháng lên thành 12 tháng nhưng vẫn lấy số 0715/CTĐS

ngày 30/11/2015 (trước đó danh mục 27 thiết bị đã được T18 ban hành Chứng thư thẩm định giá số 0715 tháng 11/2015).

Sau khi Dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt, ngày 23/3/2017, T ký Tờ trình số 08/TTr-TTR&D phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, trong đó giá gói thầu mua sắm được T dùng giá trong quyết định phê duyệt Dự án dựa trên Chứng thư thẩm định giá được lập trái pháp luật về giá để làm giá gói thầu mà không thẩm định lại giá hoặc thực hiện các nội dung thu thập về giá theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013.

Đến khoảng tháng 6/2017, căn cứ hướng dẫn của Phan Tất T6, Phó Trưởng phòng Kinh tế thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, để xác định giá trước khi đấu thầu thì Chủ đầu tư phải triển khai các thủ tục để phê duyệt dự toán Dự án nên Ngô Võ Kế T tiếp tục yêu cầu Hoàng Minh B cung cấp thêm 03 báo giá giống với các báo giá đã sử dụng để phục vụ việc lập, thẩm tra dự toán. Do có quan hệ quen biết với T, Nguyễn Chí T1 - Giám đốc Công ty K6 đã đến xin và được T đồng ý cho làm các gói tư vấn lập dự toán và tư vấn thẩm tra dự toán Dự án. Quá trình thực hiện, T1 đã cung cấp pháp nhân, hồ sơ năng lực Công ty Q3 do Nguyễn Thị P2, vợ T1 làm Giám đốc để T làm thủ tục chỉ định gói thầu tư vấn lập dự toán; cung cấp pháp nhân, hồ sơ năng lực Công ty K6 do T1 làm Giám đốc để T làm thủ tục chỉ định gói thầu tư vấn thẩm tra dự toán. Sau khi ký hợp đồng tư vấn, T đã chuyển cho T1 bảng thiết bị, giá dự toán và 03 bảng chào giá do B cung cấp nhưng không có ngày tháng năm và đề nghị T1 căn cứ vào các bảng chào giá này để lập dự toán và thẩm tra dự toán.

Nguyễn Chí T1 đã chuyển 03 bảng chào giá nhận từ T cho Nguyễn Thị P2 để lập dự toán. Tuy nhiên do Nguyễn Thị P2 không có bằng cấp, kiến thức trong lĩnh vực lập dự toán nên P2 đã thuê Cao Văn P4 là nhân viên thời vụ của vợ chồng T1 (hiện không xác định được địa chỉ người này) soạn thảo thuyết minh dự toán giai đoạn thực hiện dự án để P2 ký hợp thức rồi chuyển cho T1; đồng thời P2 mượn chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng và nhờ Lê Viết H10 (sinh năm 1969, trú tại Phòng D Chung cư H, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) ký vào phần người chủ trì trong hồ sơ lập dự toán, P2 trả công H10 01 triệu đồng. Để thẩm tra dự toán, T1 nhờ Cao Văn P4 tìm người lập báo cáo thẩm tra dự toán, sau đó T1 được P4 đưa lại báo cáo thẩm tra dự toán có sẵn tên, chữ ký, bản sao chứng chỉ xây dựng đề tên Nguyễn Xuân G (sinh năm 1975, trú tại số F đường số A, khu phố G, C, C, Thành phố Hồ Chí Minh), thực tế G không biết Công ty K6, không biết Cao Văn P4, không ký vào hồ sơ thẩm tra dự toán; do không xác định được địa chỉ của P4 nên không làm rõ được ai là người ký giá chữ ký Nguyễn Xuân G. Sau khi có dự toán và báo cáo thẩm tra dự toán, T1 và P2 ký pháp nhân Công ty K6, Công ty Q3 rồi chuyển cho Ngô Võ Kế T. Toàn

bộ quá trình này được T1 và P2 ký hợp thức, không thực hiện tham khảo giá thị trường theo quy định. Sau khi nhận dự toán và báo cáo thẩm tra dự toán từ Thân, ngày 29/01/2018 T ký tờ trình đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt dự toán. Ngày 12/02/2018, Trần Thị Bình M1, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư ký Quyết định số 36/QĐ-SKHĐT phê duyệt dự toán Dự án, trong đó chi phí thiết bị là 73.129.650.000 đồng.

Tại giai đoạn đấu thầu, thông qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Đức Q biết Huỳnh Trọng N2, Giám đốc Công ty T17. Quỳnh xin ý kiến và được Ngô Võ Kế T đồng ý cho Công ty T17 làm đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu. Thời điểm này, Công ty T17 không có nhân sự có chứng chỉ đấu thầu, chứng chỉ đấu thầu của N2 đã hết hạn. Để đảm bảo hồ sơ năng lực của Công ty T17 đáp ứng yêu cầu, Huỳnh Trọng N2 sử dụng bản sao chứng chỉ đấu thầu của các ông Mai Chí N4, Đặng Hữu T10, Nguyễn Đăng C đưa vào hồ sơ, rồi cử Trần Đức H11 là nhân viên thời vụ Công ty T17 chuyển cho Trung tâm R1 làm thủ tục chỉ định Công ty T17 là đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu Dự án Mems.

Thông qua Phan Tất T6 giới thiệu, Nguyễn Trần L3, Phó Giám đốc Công ty A.L.A đến gặp và được Nguyễn Đức Q báo cáo với Ngô Võ Kế T tạo điều kiện cho Công ty A.L.A của L3 thực hiện gói thầu tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Do L3 không có chứng chỉ đấu thầu nên đã thuê Huỳnh Tấn V3, Giám đốc Công ty CP T19 (viết tắt là Công ty T19) tìm người có chứng chỉ đấu thầu giúp L3. V3 đã liên hệ và được Trần V4 (sinh năm 1991, trú tại số I Khối A Lô C, Chung cư E, A, B, Thành phố Hồ Chí Minh, người có chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu) chuyển bản scan 02 chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đứng tên Trần V4 và Nguyễn Thị Ngọc H12 (sinh năm 1984, trú tại số A T, P, P, Bình Thuận) qua thư điện tử để L3 đưa vào thành viên Tổ thẩm định làm hồ sơ năng lực của Công ty T16. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, L3 chuyển cho Trung tâm R1 làm thủ tục chỉ định Công ty T16 là đơn vị thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Dự án.

Sau khi ký hợp đồng với Công ty T17 và Công ty T16, Ngô Võ Kế T giao cho Nguyễn Đức Q làm việc, chuyển cấu hình, thông số kỹ thuật cho Trần Đức H11, Nguyễn Trần L3 và truyền đạt ý kiến của T phải mua được đúng theo danh mục thiết bị do Q đưa.

Ngày 12/3/2018, Huỳnh Trọng N2 ký Quyết định số 04/QĐ-TT.2018 thành lập Tổ chuyên gia gồm: Mai Chí N4, Đặng Hữu T10, Nguyễn Đăng C nhưng trên thực tế những người này không phải là nhân viên Công ty T17, không biết

N2 sử dụng chứng chỉ của họ để đưa vào Tổ chuyên gia. Quá trình lập hồ sơ mời thầu, Nghĩa cử Trần Đức H11 đến Trung tâm R&D gặp Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q để tiếp nhận hồ sơ, tài liệu và yêu cầu để lập hồ sơ mời thầu. Tại Trung tâm R, Q chuyển cho Trần Đức H11 danh mục thiết bị đã thống nhất với Hoàng Minh B và đưa ra yêu cầu cho Công ty T17 phải lập hồ sơ mời thầu mua đúng danh mục này theo chỉ đạo của T. Trần Đức H11 báo cáo lại với N2 và được N2 chỉ đạo hỗ trợ cho Trung tâm R&D nhưng yêu cầu Trung tâm R&D phải cung cấp các tài liệu có đóng dấu xác nhận làm căn cứ. H11 tiếp nhận danh mục thiết bị của Trung tâm R&D và chỉ loại bỏ model, nguồn gốc xuất xứ và giữ nguyên cấu hình, thông số kỹ thuật đưa vào phần yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Sau khi lập xong hồ sơ mời thầu H11 chuyển cho N2 duyệt rồi chuyển cho Trung tâm R.

Trong giai đoạn thẩm định hồ sơ mời thầu, do đã tiếp nhận ý kiến của Ngô Võ Kế T nên L3 đã căn cứ hồ sơ mời thầu do Công ty T17 lập và chỉ chỉnh sửa một số thông số kỹ thuật có tính tuyệt đối thành giá trị tương đối ($< hoặc =$) để cho khách quan và lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu. Sau đó, L3 chuyển bản dự thảo báo cáo thẩm định qua thư điện tử cho Huỳnh Tấn V3, V3 chuyển tiếp dự thảo này đến địa chỉ thư điện tử của Trần V4 để V4 xem lại rồi tự ký tên vào vị trí tên mình và vị trí tên bà Nguyễn Thị Ngọc H12 để chuyển lại cho L3 thông qua V3, sau đó L3 chuyển cho Trung tâm R&D phê duyệt.

Sau khi Trung tâm R&D phát hành hồ sơ mời thầu, Hoàng Minh B chỉ đạo các nhân viên Công ty T14 là Nguyễn Ngọc K2 mua hồ sơ mời thầu cho Công ty S3 và Nguyễn Đại D mua hồ sơ mời thầu cho Công ty T14, Nguyễn Thị Phương D3 mua hồ sơ mời thầu cho Công ty M7. Hoàng Minh B trực tiếp lập hồ sơ đáp ứng kỹ thuật, giá dự thầu của Công ty T14 và chỉ đạo Nguyễn Đại D lập hồ sơ dự thầu phần còn lại cho Công ty T14 và 02 công ty “quân xanh” là Công ty M7 và Công ty S3, đồng thời Bá chỉ đạo Trần Duy P3, Kế toán trưởng Công ty T14 điều chỉnh tăng số liệu về doanh thu trong Báo cáo tài chính năm 2017 rồi thuê Công ty K7 Chi nhánh M8 xác nhận kiểm toán đảm bảo cho Công ty T14 đáp ứng được yêu cầu về năng lực tài chính trong hồ sơ dự thầu. Nhận chỉ đạo của B, P3 đã điều chỉnh doanh thu tăng cao hơn so với thực tế Báo cáo tài chính đã nộp cho Cơ quan thuế, mục đích để đáp ứng hồ sơ mời thầu của Dự án, cụ thể: điều chỉnh số liệu tăng doanh thu thực tế năm 2017 từ 27.421.160.478 đồng lên 176.627.670.876 đồng và giá vốn hàng, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh. Sau đó, P3 liên hệ, đề nghị Nguyễn Minh V5, nhân viên T.D.K Chi nhánh M8 thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty T14 với giá 11 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Quá trình T11 thực hiện kiểm toán, P3 đã gửi thư điện tử cho V5 các tài liệu: Báo cáo tài chính đã điều chỉnh và hợp đồng

được ký kết giữa Công ty T14 với Công ty M7, sao kê tài khoản ngân hàng của Công ty T14. Sau khi Báo cáo tài chính này được T11 Chi nhánh M8 ký xác nhận, P3 chuyển cho B để đưa vào hồ sơ dự thầu.

Thực hiện chỉ đạo của Hoàng Minh B, Nguyễn Đại D đã: ⁽¹⁾Mua hồ sơ dự thầu cho Công ty T14; ⁽²⁾lập hồ sơ dự thầu phân năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm của Công ty T14 bằng cách lấy các hợp đồng, báo cáo tài chính do Phan Thị Thanh H8 lập từ trước để tại Công ty T14, sao y bản chính và hủy bản gốc; ⁽³⁾lập hồ sơ dự thầu của các công ty “quân xanh” là Công ty M7 và Công ty S3, tự lấy con dấu Công ty, dấu chữ ký của người đại diện tương ứng để đóng vào hồ sơ dự thầu công ty “quân xanh”; ⁽⁴⁾làm giả bảo lãnh dự thầu số BG-AA43209 ngày 14/4/2018 của Ngân hàng TMCP T20 Chi nhánh Thành phố H cấp cho Công ty M7 trong hồ sơ dự thầu, bằng cách lấy phôi có sẵn dấu đỏ in trên giấy A4 trắng rồi soạn thảo nội dung in đè lên, tự ký giả chữ ký đề Phó Giám đốc Trần Thị Thu H13.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, B chỉ đạo các nhân viên đã mua hồ sơ mời thầu đi nộp hồ sơ dự thầu cho các công ty tương ứng. Trong giai đoạn chấm thầu, sau khi đánh giá Công ty T.S.T trúng thầu theo đúng định hướng của chủ đầu tư, Huỳnh Trọng N2 ký giả chữ ký của Mai Chí N4 và Nguyễn Đăng C; đồng thời, chỉ đạo Trần Đức H11 ký giả chữ ký của Đặng Hữu T10 trong các báo cáo đánh giá hồ sơ về kỹ thuật và tài chính rồi chuyển cho Trung tâm R. Trong quá trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, L3 tự dự thảo các báo cáo thẩm định rồi chuyển cho Trần V4 ký hợp thức tương tự như khi thẩm định hồ sơ mời thầu đã nêu ở trên để chuyển lại cho L3.

Ngày 18/4/2018, Trung tâm R&D tiếp nhận hồ sơ dự thầu, kết quả chỉ có 03 Công ty của Hoàng Minh B gửi hồ sơ dự thầu, gồm: Công ty S3, Công ty M7 và Công ty T14. Công ty T14 đã trúng thầu Gói thầu “Cung cấp, lắp đặt và đào tạo vận hành thiết bị” theo Quyết định phê duyệt số 111/QĐ-TTR&D ngày 11/5/2018 của Trung tâm R1, giá trúng thầu là 73,11 tỷ đồng, hiện dự án đã được nghiệm thu đi vào hoạt động, chủ đầu tư đã thanh toán 100% giá trị gói thầu cho Công ty T14.

Sau khi được Chủ đầu tư thanh toán, các nhà thầu chi cho Ngô Võ Kế T 2.530.000.000 đồng, Nguyễn Đức Q 100.000.000 đồng. Trong đó, Hoàng Minh B chi làm nhiều lần tổng số tiền là 2,5 tỷ đồng cho Ngô Võ Kế T và chi 100 triệu đồng cho Nguyễn Đức Q; Công ty L12, Công ty K6, Công ty T16 chi cho Ngô Võ Kế T mỗi công ty 10 triệu đồng.

Kết quả định giá tài sản xác định thiệt hại của Gói thầu số 6: Tại Kết luận định giá tài sản số 2508/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2024, Hội đồng định giá tài

sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Các trang thiết bị thuộc gói thầu mua sắm Dự án Mems vào thời điểm tháng 7/2019 có giá 66.992.317.258 đồng, chênh lệch so với giá trị thanh toán số tiền 6.117.682.742 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người liên quan và tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định các bị cáo ⁽¹⁾ Ngô Võ Kế T, ⁽²⁾ Nguyễn Đức Q, ⁽³⁾ Hoàng Minh B, ⁽⁴⁾ Huỳnh Trọng N2, ⁽⁵⁾ Nguyễn Trần L3 và ⁽⁶⁾ Nguyễn Chí T1 đã thông đồng lập danh mục mua sắm chi tiết trang thiết bị của Dự án Mems, thông đồng với các đơn vị tư vấn hợp thức hóa danh mục thiết bị, giá đầu ra trong các bước lập dự án, thẩm định giá, lập, thẩm tra dự toán, lập hồ sơ mời thầu, chấm thầu để Công ty T.S.T trúng thầu.

Theo chỉ đạo của Hoàng Minh B, bị cáo Nguyễn Đại D thực hiện gian lận trong hồ sơ dự thầu của Công ty T14, thiết lập “Quân xanh”, “Quân đỏ” để dự thầu với mục đích để Công ty T.S.T trúng thầu theo danh mục và giá đã thống nhất trước; bị cáo Trần Duy P3 sửa số liệu báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty T14, gian lận trong hồ sơ năng lực để Công ty T.S.T trúng thầu, vi phạm quy định Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013, gây thiệt hại tài sản Nhà nước tại Gói thầu số 6 Dự án M là 6.117.682.742 đồng.

1.2. Đối với Dự án Hệ thống trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ công tác bảo tồn, lai tạo và phát triển nguồn giống nấm phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường Thành phố H (viết tắt là Dự án Nấm)

Dự án Nấm được HĐND Thành phố H quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 05/8/2016, cụ thể:

- Tên Dự án: Dự án Hệ thống trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ công tác bảo tồn, lai tạo và phát triển nguồn giống nấm phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường Thành phố H.

- Chủ đầu tư: Ban Q.

- Nhóm Dự án: Nhóm B.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư mới các máy móc, thiết bị hiện đại, đồng bộ và đạt chuẩn của các nước tiên tiến cho hệ thống phòng thí nghiệm tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao nhằm phục vụ công tác bảo tồn, lai tạo và phát triển nguồn giống nấm phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Địa điểm thực hiện: Khu N cao, Ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian thực hiện (theo phê duyệt điều chỉnh): năm 2016 - 2020.
- Tổng mức đầu tư: 92,1 tỷ đồng từ nguồn vốn từ ngân sách Thành phố.
- Cơ quan thẩm định, phê duyệt Dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5.

Quá trình triển khai Dự án, Đinh Minh H7, Trưởng Ban Q ký chỉ định Chi nhánh Công ty Cổ phần T21 (viết tắt là Công ty T21) ⁽¹⁾ tư vấn lập dự án; Công ty Cổ phần G1 (viết tắt là Công ty S4) ⁽²⁾ tư vấn thẩm định giá; Công ty TNHH T22 (viết tắt là Công ty T22) ⁽³⁾ thẩm tra dự toán; Công ty T16 ⁽⁴⁾ tư vấn quản lý Dự án; Công ty T17 ⁽⁵⁾ tư vấn lập dự toán và tư vấn đấu thầu.

Căn cứ Tờ trình của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Quyết định phê duyệt Dự án Năm ngày 27/02/2017; phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ngày 25/5/2017 gồm 06 gói thầu; ngày 01/02/2018, phê duyệt điều chỉnh thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu từ năm 2017 sang năm 2018. Ngày 12/02/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Quyết định số 35/QĐ-SKHĐT phê duyệt dự toán Dự án Năm, trong đó chi phí gói thầu mua sắm thiết bị phòng thí nghiệm (Gói thầu số 3) là 86.483.750.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-SKHĐT ngày 22/8/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt điều chỉnh Dự án, ngày 04/9/2019, Sở K5 có Quyết định số 327/QĐ-SKHĐT phê duyệt điều chỉnh dự toán Dự án Năm bổ sung danh mục 22 thiết bị phụ trợ tăng thêm 03 tỷ đồng, nâng giá trị chi phí thiết bị (Gói thầu số 3) thành 89.483.750.000 đồng nhưng giảm các chi phí khác và giữ nguyên tổng dự toán là 92,1 tỷ đồng.

Gói thầu số 3 được tổ chức theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. Kết quả điều tra xác định, để đạt mục đích cho Công ty T.S.T của Hoàng Minh B trúng thầu Gói thầu số 3, các bị cáo đã thông đồng, thực hiện các hành vi sai phạm như sau:

Khoảng giữa năm 2016, khi biết Dự án Năm đang giai đoạn phê duyệt chủ trương đầu tư, Hoàng Minh B đã nhờ Phạm Nguyễn Đức H14 (nhân viên Trung tâm Công nghệ sinh học Thành phố H) đưa đến Ban Q gặp Đinh Minh H7 tại phòng làm việc. Tại đây, B xin H7 cho doanh nghiệp của B được tham gia là đơn vị cung cấp thiết bị của Dự án. Hiệp đồng ý với yêu cầu phải cung cấp thiết bị hiện đại, phòng thí nghiệm có tính hệ thống và phải đồng hành cùng Chủ đầu tư vận hành phòng thí nghiệm đến khi được cấp chứng chỉ tiêu chuẩn ISO 17025 (*hệ thống tiêu chuẩn quốc tế về phòng thí nghiệm, thử nghiệm*). H7 có thông tin cho B biết về kỹ thuật thi trao đổi với Phạm Nguyễn Đức H14, về thủ tục pháp lý thì liên hệ với cấp dưới của H7 là Phạm Tấn K, Phó Trưởng phòng Đầu tư và Doanh nghiệp.

Để giúp việc triển khai Dự án, ngày 05/8/2016, Đinh Minh H7 bổ nhiệm Phạm Tấn K là Tổ trưởng Tổ chuyên gia Dự án năm (Quyết định số 178/NNCNC ngày 05/8/2016), có nhiệm vụ: “1. Tham mưu cho Trưởng ban trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án năm; 2. Thẩm định, kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của các thông tin trong hồ sơ các gói tư vấn triển khai dự án; 3. Phối hợp tham mưu, giúp Trưởng ban tổ chức xây dựng chương trình công tác triển khai thực hiện dự án, quyết toán kinh phí hàng năm theo mục tiêu của Dự án” và chỉ đạo K hỗ trợ doanh nghiệp của Hoàng Minh B theo dự án gói thầu thiết bị. Thông qua Phạm Nguyễn Đức H14 và Phạm Tấn K, Đinh Minh H7 đồng ý để Nguyễn Trần L3, Giám đốc Công ty T16 hỗ trợ Kiên thủ tục triển khai dự án.

Sau khi được Hiệp đồng Ý, B cử nhân viên là Nguyễn Thị Ngọc Q2 đến gặp Phạm Tấn K tiếp nhận danh mục trang thiết bị (*danh mục sơ lược do H7 dự thảo*) để chuyển lại cho B và nhờ B lên phương án chi tiết, báo giá đầu ra và giới thiệu các đơn vị tư vấn lập dự án, tư vấn thẩm định giá phục vụ phê duyệt dự án.

Hoàng Minh B căn cứ vào danh mục do H7 dự thảo gửi cho các hãng cung cấp thiết bị và lên danh mục có đầy đủ tên thiết bị, model, nguồn gốc xuất xứ, hãng sản xuất, cấu hình, thông số kỹ thuật chi tiết. Đối chiếu giá bán hàng do các hãng báo và tổng mức đầu tư được phê duyệt, xác định Công ty T14 được hưởng chênh lệch số tiền 12 tỷ đồng, sau khi trúng thầu có thể tách phần đào tạo chuyển giao công nghệ riêng thì có thể được lợi nhuận cao hơn nữa nên B đã tiến hành lập danh mục gồm 98 trang thiết bị hoàn chỉnh để cung cấp cho Chủ đầu tư. Danh mục này đã được Chủ đầu tư lựa chọn để thẩm định giá, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và giữ nguyên trong các giai đoạn xin phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt dự toán và cũng là danh mục để Công ty T14 dự thầu, trúng thầu sau này.

Thông qua mối quan hệ quen biết, B giới thiệu Bùi Văn Đ2, Giám đốc Công ty T21 Chi nhánh H18 để Công ty T21 thực hiện tư vấn lập dự án; thông qua ông Lê Văn H15, Phó Viện trưởng V6 để H15 liên hệ Công ty S4 thực hiện tư vấn thẩm định giá cho Dự án Năm. Toàn bộ thủ tục chỉ định 02 gói thầu này do Nguyễn Thị Ngọc Q2 phối hợp với Nguyễn Trần L3 soạn thảo để Phạm Tấn K trình Đinh Minh H7 ký chỉ định Công ty T21 tư vấn lập dự án, Công ty S4 tư vấn thẩm định giá.

Quá trình tư vấn lập dự án và thẩm định giá, Phạm Tấn K chuyển danh mục trang thiết bị cho Công ty T21 đưa vào báo cáo nghiên cứu khả thi; nhờ Phan Thị Thanh H8 - Phó Giám đốc Công ty T14 sử dụng pháp nhân các Công ty của vợ chồng B là M4, Hoàng S1 và S để ký pháp nhân 03 bảng chào giá rồi chuyển

cho Lê Văn H15 phục vụ thẩm định giá. Kết quả, ngày 10/10/2016, Công ty S4 ban hành Chứng thư số 161004/TĐ/DT, thẩm định giá hệ thống trang thiết bị Dự án là 86.483.750.000 đồng, là phương án thiết bị và giá mà B đã thống nhất với Chủ đầu tư.

Căn cứ kết quả tư vấn lập dự án và thẩm định giá đã được hợp thức, ngày 20/10/2016, Đinh Minh H7 ký Tờ trình số 14/TTr-NNCNC, được Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Dự án Nấm tại Quyết định số 33A/QĐ-SKHĐT ngày 27/02/2017 do Trần Thị Bình M1, Phó Giám đốc ký với tổng mức đầu tư 92,1 tỷ đồng, trong đó giá thiết bị Dự án là 86.483.750.000 đồng.

Sau khi Dự án được phê duyệt, Nguyễn Khắc H16, chuyên viên Sở Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn Nguyễn Trần L3 để xác định giá trước khi đấu thầu thì Chủ đầu tư phải triển khai các thủ tục để phê duyệt dự toán Dự án. L3 tham mưu cho K giao cho L3 tự thực hiện lập dự toán và thẩm tra Dự toán mà không thực hiện theo trình tự thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Đấu thầu. K báo cáo H7 và được Hiệp đồng Ý thực hiện theo tham mưu của L3. Quá trình thực hiện, khoảng tháng 6/2017, L3 và K liên hệ với Hoàng Minh B để cập nhật các bảng chào giá như đã thực hiện thẩm định giá nhưng cập nhật ngày tháng. Bá đã chuyển các tập tin dữ liệu các bảng chào giá trước đó cho Nguyễn Đại D, nhân viên Công ty T14 để D cập nhật lại ngày tháng, in văn bản và dùng con dấu tên, dấu tròn, dấu chữ ký người đại diện để đóng vào các bảng chào giá đứng tên các Công ty của B là M4, Hoàng S1, B, Công M5, Tín N5 và Sơn B1 rồi gửi cho Phạm Tấn K để K chuyển cho Nguyễn Trần L3. Khi có báo giá, L3 tự lập số liệu, bảng dự toán theo mẫu có sẵn, ký giả chữ ký của Lê Hoàng L4 (cùng là cán bộ Trung tâm Công nghệ sinh học với L3), sau đó nhờ Phạm Văn V, Giám đốc Công ty T17 đóng dấu, ký tên Đại diện đơn vị tư vấn và Người chủ trì. Về hồ sơ thẩm tra dự toán, L3 tự lập và ký tên người chủ trì thẩm tra rồi nhờ Nguyễn Thế A1, Phó Giám đốc Công ty T22 đóng dấu, ký tên hợp thức pháp nhân. Dự toán được lập và thẩm tra giữ nguyên tổng giá trị Dự án là 92,1 tỷ đồng, trong đó giá thiết bị Dự án là 86.483.750.000.000 đồng.

Sau khi thực hiện xong, L3 soạn thảo Tờ trình và các tài liệu của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp, chuyển cho Phạm Tấn K trình Đinh Minh H7 ký đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt dự toán với giá không đổi là 86.483.750.000 đồng.

Sau khi dự toán Dự án được duyệt, theo thỏa thuận từ trước giữa K và L3, K đề xuất Đinh Minh H7 ký chỉ định Công ty A.L.A của Nguyễn Trần L3 là đơn vị Tư vấn quản lý Dự án; Công ty T17 của Phạm Văn V thực hiện Tư vấn đấu thầu. Mặc dù Công ty T17 không có đủ nhân sự được cấp chứng chỉ nghiệp vụ

đấu thầu, không đảm bảo hồ sơ năng lực, nhưng L3 vẫn đại diện Công ty T16 ký Báo cáo số 02/BC-ALA ngày 03/4/2018 đánh giá Công ty T17 có đủ năng lực và tham mưu cho Đinh Minh H7 ký Quyết định số 57/QĐ-NNCNC ngày 06/4/2018 phê duyệt chỉ định Công ty T17 là nhà thầu tư vấn đấu thầu. Để hợp thức hồ sơ năng lực của Công ty T17, V đã dùng 02 Chứng chỉ của ông Nguyễn Công K3 (địa chỉ cư trú: Phòng 2016, chung cư T, phường T, quận N, thành phố Hà Nội) và bà Nguyễn Thị Thu N6 (địa chỉ cư trú: số C ngõ C, tổ E, N, L, H, Hà Nội) đưa vào hồ sơ năng lực và ký Quyết định số 08/2018/QĐTL-THT ngày 28/4/2018 thành lập Tổ chuyên gia gồm: ông Nguyễn Công K3, Kỹ sư xây dựng, Tổ T; bà Nguyễn Thị Thu N6, Kỹ sư xây dựng, Tổ viên; bà Nguyễn Thị M6, Tổ viên, trong đó bà M6 là nhân viên của Công ty T17 có chứng chỉ đấu thầu cấp ngày 28/12/2017, hai người còn lại không phải là nhân viên Công ty T17 mà do V tự ý sử dụng bản sao chứng chỉ và đưa tên những người này vào Tổ chuyên gia.

Quá trình thực hiện lập hồ sơ mời thầu, L3 và V đã được Phạm Tấn K thông báo về việc Chủ đầu tư đã lựa chọn Công ty T14 trúng thầu theo danh mục và giá đã được duyệt, yêu cầu phải mua được danh mục thiết bị đúng với danh mục đã được phê duyệt. L3 cùng với Phạm Văn V lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu để đưa phần thông số kỹ thuật của thiết bị chỉ loại bỏ model, nguồn gốc xuất xứ và ký các Tờ trình đề nghị để Đinh Minh H7 phê duyệt hồ sơ mời thầu.

Sau khi Ban Quản lý Khu Nông nghiệp phát hành hồ sơ mời thầu, Hoàng Minh B chỉ đạo các nhân viên Công ty T.S.T mua hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ dự thầu, nộp hồ sơ dự thầu và tham gia đấu thầu cho 03 Công ty: S, M4 và T.S.T của Bá tương tự như Dự án Mems.

Về thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, tại Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 144/QĐ-SKHĐT của Sở Kế hoạch và Đầu tư không có gói thầu này, L3 đã đề nghị thì được H7 và K đồng ý giao cho L3 thực hiện. Thực hiện gói thầu này, Nguyễn Trần L3 đã tự dự thảo các báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu để nhờ Huỳnh Tấn V3, Giám đốc Công ty T19 chuyển cho Trần V4 ký hợp thức tương tự như Dự án Mems.

Ngày 16/6/2018, Công ty T16 có văn bản số 03/NAM-KQLCNT-ALA báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và Tờ trình số 08/TTr-ALA đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với Công ty T14 của Hoàng Minh B, giá đề nghị trúng thầu là 86.483.750.000 đồng. Ngày 18/6/2018, Ban Q Nông nghiệp ban hành Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 3

Dự án Năm và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị trúng thầu là Công ty T14, giá trúng thầu 86.476.000.000 đồng. Chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty T14 làm nhiều đợt từ tháng 7/2018 đến tháng 01/2021, tổng số tiền 89,476 tỷ đồng (*bao gồm cả danh mục 22 thiết bị phụ trợ tăng thêm 03 tỷ đồng*).

Sau khi được Chủ đầu tư thanh toán, Hoàng Minh B chỉ cho Đinh Minh H7 01 tỷ đồng; Nguyễn Trần Long C1 cho Phạm Tấn K 55 triệu đồng (gồm 45 triệu đồng L3 trích từ kinh phí gói thầu Tư vấn quản lý Dự án của Công ty T16 và 10 triệu đồng L3 nhận từ Công ty T17 chuyển cho K).

Kết quả định giá tài sản xác định thiệt hại của Gói thầu số 3: Tại Kết luận định giá tài sản số 2506/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Các trang thiết bị thuộc gói thầu mua sắm của Dự án Năm vào thời điểm tháng 4/2019 có giá 53.155.044.709 đồng, chênh lệch với giá trị thanh toán số tiền 33.320.955.291 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người liên quan và tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định các bị cáo ⁽¹⁾ Đinh Minh H7, ⁽²⁾ Phạm Tấn K, ⁽³⁾ Hoàng Minh B, ⁽⁴⁾ Phạm Văn V, ⁽⁵⁾ Nguyễn Trần L3 thông đồng với nhau về việc lập danh mục mua sắm chi tiết trang thiết bị Dự án Năm, thông đồng với các đơn vị tư vấn hợp thức hóa danh mục thiết bị, giá đầu ra trong các bước lập dự án, thẩm định giá, lập, thẩm tra dự toán, lập hồ sơ mời thầu, chấm thầu; bị cáo ⁽⁶⁾ Nguyễn Đại D theo chỉ đạo của Hoàng Minh B thực hiện hành vi gian lận trong hồ sơ dự thầu của Công ty T14, thiết lập “quân xanh, quân đỏ” để dự thầu với mục đích để Công ty T14 trúng thầu theo danh mục thiết bị và giá đã thống nhất trước; bị cáo ⁽⁷⁾ Trần Duy P3 theo chỉ đạo của Hoàng Minh B thực hiện sửa số liệu báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty T14, gian lận trong hồ sơ năng lực để Công ty T.S.T trúng thầu; vi phạm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013, thu lợi bất chính, gây thiệt hại tài sản Nhà nước tại Gói thầu số 3 Dự án Năm là 33.320.955.291 đồng.

2. Hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” của các cá nhân tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5

Trần Thị Bình M1, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được phân công phụ trách về lĩnh vực đầu tư công nghệ cao, trực tiếp chỉ đạo và ký các quyết định thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt dự toán các dự án thuộc nhóm B, trong đó có 02 Dự án Năm và M3; Phan Tấn T6, Phó Trưởng phòng Kinh tế được phân công theo dõi, kiểm tra đề xuất của chuyên viên, ký trình Trần Thị Bình M1 phê duyệt các thủ tục liên quan triển khai thực

hiện 02 Dự án nêu trên.

Quá trình thực hiện thẩm định, phê duyệt Dự án Năm và M3, Trần Thị Bình M1 và Phan Tất T6 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước. Hành vi sai phạm cụ thể như sau:

Thời điểm tháng 10/2016, Dự án Năm và M3 được các Chủ đầu tư có tờ trình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định xin phê duyệt Dự án (*Tờ trình số 14/TTr-NNCNC ngày 10/10/2016 của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp và Tờ trình số 46 ngày 28/10/2016 của Trung tâm R&D*). Sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, các Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công thẩm định là Nguyễn Danh T12 thẩm định hồ sơ phê duyệt Dự án Mems và Nguyễn Khắc H16 thẩm định hồ sơ xin phê duyệt Dự án Năm, do Nguyễn Danh T12 để chậm tiến độ nên sau đó Nguyễn Khắc H16 là người tiếp nhận, thẩm định cả 02 Dự án.

Trong quá trình theo dõi tiến độ phê duyệt Dự án Năm, thông qua Nguyễn Khắc H16, Nguyễn Trần L3 biết và thông tin cho Hoàng Minh B biết về việc Dự án N7 đã được Phòng Kinh tế Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và đề xuất phê duyệt nhưng Trần Thị Bình M1 không phê duyệt, B cần gặp lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tác động để giải quyết cho nhanh. Do có mối quan hệ từ trước nên B đã đến phòng làm việc của Phan Tất T6 và nói cho T6 biết Công ty của B được các chủ đầu tư lựa chọn là đơn vị cung cấp thiết bị cho hai Dự án trên và nhờ T6 hỗ trợ để dự án sớm được phê duyệt, B sẽ tác động lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khi thực hiện xong Bá sẽ cảm ơn T6 sau. T6 đồng ý và nói cho B biết về việc Phòng Kinh tế đã lập tờ trình và dự thảo quyết định phê duyệt dự án nhưng Trần Thị Bình M1 chưa ký phê duyệt cả 02 Dự án.

Thời điểm này, nhân dịp Tết Nguyên Đán năm 2017, Hoàng Minh B đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, vào phòng làm việc của Trần Thị Bình M1, giới thiệu là Giám đốc Công ty T14 và đang có theo một số dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nhờ M1 hỗ trợ khi nào có hồ sơ đến thì hỗ trợ giúp, B đưa quà tết cho M1 số tiền 200 triệu đồng, M1 nhận tiền và đồng ý hỗ trợ Bá. Sau đó B đến Phòng Kinh tế chúc tết T6 và một số người cùng P5 (trong đó B chúc tết T6 01 chai rượu Chivas và 05 triệu đồng), tại đây B nói cho T6 biết B đã đến gặp M1 và nhờ T6 tiếp tục hỗ trợ, T6 đồng ý.

Sau khi tiếp xúc với B, Trần Thị Bình M1 đã yêu cầu Phòng Kinh tế đẩy nhanh tiến độ thẩm định trình phê duyệt 02 Dự án. Khi xem xét hồ sơ Dự án M, M1 phát hiện Chứng thư thẩm định giá số 0715/TĐ/BDS đề tháng 30/11/2015 của T.D.K Đ, thẩm định giá 12 thiết bị là 73.129.650.000 đồng trong hồ sơ đã

quá hạn hơn 08 tháng, không còn giá trị sử dụng (theo khoản 7 Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05 Quy trình thẩm định giá Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015 của Bộ T23 thì Chứng thư chỉ có thời hạn trong vòng 6 tháng), tuy nhiên để giúp đỡ B, M1 đã chỉ đạo T6 chỉnh sửa vào dự thảo Quyết định phê duyệt Dự án Mems thành nội dung: “Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định giá, kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 0715/TĐ/BDS ngày 31/10/2016 của Chi nhánh Công ty TNHH K7 - chỉnh sửa từ ngày 30/11/2015 thành 31/10/2016” để M1 ký trước rồi yêu cầu T6 cùng C2 đầu tư hợp thức lại Chứng thư thẩm định giá cho phù hợp với quy định. Sau khi hồ sơ được hợp thức, M1 đã ký Quyết định số 34/QĐ-SKHĐT ngày 28/02/2017 phê duyệt Dự án Mems.

Khi đến giai đoạn phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, mặc dù thời điểm này cả 02 Chứng thư thẩm định của cả 02 Dự án đều đã quá hạn (Chứng thư thẩm định giá Dự án Năm số 161004/TĐ/DT ngày 10/10/2016, quá hạn hơn 1 tháng; Chứng thư thẩm định Dự án Mems vẫn để số 0715 ngày 30/11/2015, quá hạn hơn 11 tháng). Theo quy định của chứng thư thẩm định giá chỉ có giá trị trong thời hạn 06 tháng, ngoài thời hạn này thì phải định giá lại theo giá thị trường để đảm bảo khách quan về giá (vi phạm khoản 2 Điều 35 Luật Đấu thầu 2013). Mặc dù chứng thư thẩm định giá trong hồ sơ 02 Dự án quá thời hạn nhưng để giúp đỡ Hoàng Minh B, Phan Tất T6 vẫn ký báo cáo đề xuất trình Trần Thị Bình M1 phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của 02 Dự án.

Đến thời điểm trước khi đấu thầu, do 02 Dự án được phê duyệt năm 2017 nhưng không được bố trí vốn ngay mà phải đến năm 2018 mới được phân bổ vốn, do vậy trước khi đấu thầu các dự án cần phải lập lại dự toán làm căn cứ xác định giá gói thầu nên Nguyễn Khắc H16 đã hướng dẫn Nguyễn Trần L3 và Phan Tất T6 hướng dẫn Ngô Võ Kế T triển khai thực hiện.

Thực hiện ý kiến hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngô Võ Kế T đã yêu cầu B cung cấp 03 báo giá, B đã chuyển cho T 03 báo giá của các Công ty: Mitec, T, Hoàng S1 nhưng không ghi ngày tháng năm để T chỉ đạo lập hồ sơ dự toán và thẩm tra dự toán như đã nêu ở Dự án M. Khi hồ sơ này được trình Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phan Tất T6 do đã đồng ý giúp đỡ B nên T6 đã không kiểm tra, không phát hiện ra sai sót trên mà vẫn đề xuất Trần Thị Bình M1 ký phê duyệt dự toán đối với Dự án M.

Sau khi Công ty T14 trúng thầu, B nhiều lần đưa tiền cho M1 và T6. Tổng số tiền Trần Thị Bình M1 hưởng lợi là 01 tỷ đồng (200 triệu đồng nhận trước khi đấu thầu, 800 triệu đồng nhận sau khi đấu thầu và quà kèm theo); Phan Tất T6 hưởng lợi 350 triệu đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 222, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh B 08 (tám) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2023.

Căn cứ khoản 3 Điều 222, điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Ngô Võ Kế T 06 (sáu) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2023.

Căn cứ khoản 3 Điều 222, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Q 05 (năm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 222; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Duy P3 05 (năm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 222; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đại D 05 (năm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 222, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T1 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của các bị cáo Huỳnh Trọng N2, Trần Thị Bình M1, Phan Tất T6, Phạm Văn V, Phạm Tấn K, Đinh Minh H7, Nguyễn Trần L3; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 17/01/2025, bị cáo Nguyễn Chí T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 21/01/2025, các bị cáo Nguyễn Đức Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 22/01/2025: bị cáo Nguyễn Đại D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trần Duy P3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 23/01/2025, các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/01/2025, bị hại Trung tâm nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ Cao Thành phố H có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử, chỉ xin xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để được hưởng khoan hồng của pháp luật. Đại diện bị hại Trung tâm R&D thuộc Ban quản lý Khu nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố H đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, kháng cáo của các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 và kháng cáo của bị hại là Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định, hợp lệ về mặt hình thức, đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đều là những người có trình độ học vấn, nhận thức pháp luật, nhận thức xã hội, được đào tạo bài bản, một số bị cáo giữ vai trò quan trọng trong cơ quan, đơn vị doanh nghiệp, có kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác của mình nhưng vì động cơ tư lợi, động cơ cá nhân mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu, làm giảm uy tín của cơ quan nhà nước, làm giảm niềm tin của người dân, gây bất bình xấu cho dư luận, xã hội. Vì vậy cần xử lý nghiêm để răn đe các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Minh B là người giữ vai trò khởi xướng việc thực hiện tội phạm, bị cáo chủ động liên hệ với các bị cáo là cán bộ sở ngành về việc đẩy nhanh tiến độ phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt dự toán dự án; câu kết với các bị cáo là chủ đầu tư và chỉ đạo các bị cáo là nhân viên Công ty T14 thực hiện các hành vi thông thầu, gian lận, không đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu để Công ty T14 của B được trúng thầu 02 dự án M và dự án N7, bị cáo là người có vai trò cao nhất trong vụ án đối với toàn bộ thiệt hại của hai dự án là 39.486.638.033 đồng và phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án. Hành vi của bị cáo phạm vào khoản 3 Điều 222 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt quy định từ 10 năm đến 20 năm tù, đồng thời bị cáo thực hiện tội phạm nhiều lần thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tại cấp sơ thẩm Tòa án xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 08 năm tù là phù hợp.

Đối với bị cáo Ngô Võ Kế T, bị cáo là người đứng đầu đơn vị Chủ đầu tư, lẽ ra với vai trò, trách nhiệm được giao thì bị cáo phải nhận thức được tính chất quan trọng, ý nghĩa của dự án để thực hiện đúng quy định của pháp luật, nhưng chỉ vì động cơ cá nhân bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi thông đồng cùng bị cáo B, đồng thời chỉ đạo các nhân viên cấp dưới thực hiện việc hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu giúp sức cho bị cáo B trúng thầu gói thầu được giao, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước đến 6.117.682.742 đồng, bị cáo hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội của mình với số tiền lớn là 2.530.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện nhiều hành vi giúp sức tích cực cho bị cáo B, vai trò của bị cáo chỉ sau vai trò của bị cáo B cần phải xử nghiêm, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo mức án 06 năm tù, dưới

mức thấp nhất khung hình phạt quy định là đúng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 phạm tội trong vụ án này với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Huỳnh Minh B2. Trong đó, bị cáo Trần Duy P3, Nguyễn Đại D giúp sức cho B2 gây thiệt hại 39.438.638.033 đồng; bị cáo Nguyễn Đức Q, Nguyễn Chí T1 giúp sức cho B2 gây thiệt hại 6.117.682.742 đồng. Cấp sơ thẩm xem xét vai trò của từng bị cáo, mức độ tham gia tội phạm, thiệt hại các bị cáo gây ra, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo P3, D, Q mỗi bị cáo 05 năm tù và bị cáo T1 04 năm tù, gần với mức khởi điểm của khung liên kề của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp, đã xem xét những tình tiết giảm nhẹ các bị cáo cung cấp tại cấp sơ thẩm.

Tuy nhiên trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, thấy rằng các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả, nộp lại tiền thu lợi bất chính và cung cấp thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, cụ thể:

- Bị cáo Ngô Võ Kế T: Nộp lại số tiền 930 triệu đồng thu lợi bất chính; có thành tích xuất sắc trong công tác được Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCNVN tặng Bằng khen; có nhiều đóng góp trong việc xây dựng mối quan hệ hữu nghị các trường đại học N8, thành tích trong lĩnh vực nghiên cứu, P7 về chất bán dẫn, vật liệu Nano, có đơn kiến nghị của Giáo sư Sasumu Sugiyama - Đại học R2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Đại diện bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì dự án được đưa vào hoạt động đã mang lại hiệu quả được UBND thành phố công nhận.

- Bị cáo Nguyễn Đức Q được đại diện bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì dự án được đưa vào hoạt động đã mang lại hiệu quả được UBND thành phố công nhận.

- Bị cáo Trần Duy P3: Nộp khắc phục số tiền 50 triệu đồng; Bà cô Ngô Thị L5 là bà mẹ Việt Nam anh hùng; Mẹ ruột có công với cách mạng.

- Bị cáo Nguyễn Đại D: Nộp khắc phục số tiền 50 triệu đồng; có cha ruột là ông Nguyễn Đức L6 được Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng Huy chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển nông thôn; bị cáo là lao động chính; có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Bị cáo Nguyễn Chí T1: Có thành tích trong công tác xóa đói, giảm nghèo được UBND xã T ghi nhận; gia đình ông bà Nguyễn Văn P6 - Lê Thị B3 (Ông bà nội bị cáo) được Chủ tịch nước tặng H16 hương kháng chiến hạng nhất; cha

mẹ ruột của bị cáo là người cao tuổi có nhiều đóng góp cho chính quyền địa phương được UBND phường H19, Thành phố V xác nhận; gia đình bị cáo có nhiều đóng góp trong phong trào xây dựng gia đình văn hóa được UBND xã T tặng Giấy khen; có anh trai là Nguyễn Thành Đ3 có thành tích xuất sắc trong công tác được Sở y tế tỉnh V tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; Chủ tịch UBND tỉnh V tặng Bằng khen, Bộ trưởng Bộ Y tặng kỷ niệm chương.

Với những tình tiết mới phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm, Viện kiểm sát nhận thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo không có cơ sở để xem xét, việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các ý kiến, quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên: Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, của đại diện người bị hại;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Minh B từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù;
- Xử phạt bị cáo Ngô Võ Kê T từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm tù;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Q từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù;
- Xử phạt bị cáo Trần Duy P3 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đại D từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Bào chữa cho các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kê T13, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 thống nhất về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát truy tố đối với từng bị cáo nên không tranh luận; luật sư chỉ phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo mức án khoan hồng dưới mức Viện kiểm sát đề nghị. Cụ thể như sau:

Luật sư Ngô Ngọc D1 bào chữa cho bị cáo Hoàng Minh B nêu quan điểm 02 dự án M và N7 được công ty của B ký hợp đồng trọn gói với chủ đầu tư, theo đó phần chi phí cho chuyên gia lắp đặt, chạy thử, vận hành thiết bị công nghệ chưa được cập nhật vào khoản chi phí thực hiện dự án, chưa được cập nhật trong kết luận định giá dẫn đến việc Cơ quan tiến hành tố tụng xác định thiệt hại vụ án theo công thức cơ học lấy giá trị thanh toán trừ đi giá đầu vào thiết bị dẫn đến bất lợi cho các bị cáo. Từ đó, luật sư đề nghị xem xét số tiền 3.430.000.000 đồng

chi phí chuyển giao công nghệ và chi phí khác của dự án M3 và số tiền 21.700.000.000 đồng chi phí chuyển giao công nghệ và chi phí khác của dự án Năm khi đánh giá thiệt hại của vụ án. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có ông nội là liệt sỹ Hoàng Ngọc O, được Tổ quốc ghi công, tặng Huy chương kháng chiến hạng ba; cha đẻ ông Hoàng Thái S2 được tặng Huân chương lao động hạng 3, hạng nhì; nhiều bằng khen của các cấp; bị cáo tham gia nhiều chương trình thiện nguyện và được tặng nhiều bằng khen, giấy khen, hiện là lao động chính trong gia đình, nuôi bố đẻ già yếu. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, giảm nhẹ nhất hình phạt bị cáo.

Bị cáo Hoàng Minh B đồng ý bài bào chữa của luật sư và chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Lê Ngọc H5 bào chữa cho bị cáo Ngô Võ Kế T đề nghị xem xét các tình tiết khách quan về bối cảnh, điều kiện, nguyên nhân hoàn cảnh phạm tội của bị cáo T. Theo đó, bị cáo là người đứng đầu trung tâm, bị cáo nhận thấy được nhiều bất cập, khó khăn trong hoạt động của phòng thí nghiệm trung tâm, tiêu tốn hàng năm số tiền 3 tỷ đồng nên khi triển khai dự án Mems bị cáo nôn nóng thực hiện với mong muốn dự án sớm đưa vào hoạt động để giải quyết những cấp bách dẫn đến các sai phạm khi đấu thầu dự án. Về tình tiết giảm nhẹ luật sư thống nhất các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã áp dụng. Đồng thời, đề nghị xem xét bị cáo có đơn tự thú hành vi sai phạm được lưu trữ trong hồ sơ vụ án nhưng chưa được Cáo trạng và Viện kiểm sát ghi nhận, luật sư đề nghị áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chấp hành tốt quy định của nhà nước và pháp luật, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của 47 cá nhân là lãnh đạo, nhân viên tại Trung tâm R&D và tại phiên tòa đại diện bị hại cùng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; ngoài ra, dự án Mems do bị cáo thực hiện đến nay vẫn hoạt động hiệu quả mang lại cho Trung tâm, cũng như góp phần hoàn chỉnh được cơ sở hạ tầng hiện đại trong lĩnh vực bán dẫn của Trung tâm R&D. Từ đó, luật sư đề nghị áp dụng điểm b, r, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng từ 04 đến 05 năm tù đối với bị cáo T.

Bị cáo Ngô Võ Kế T đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và bào chữa bổ sung: Dự án của bị cáo đã mang lại hiệu quả rất tốt, thu hút nhiều chuyên gia từ Nhật Bản, Úc từ đó làm chủ được một số công nghệ lõi như công nghệ chống ngập của Thành phố T, với giá trị hàng trăm triệu đô la cao hơn rất nhiều so với

thiệt hại của bị cáo. Bản thân bị cáo do nóng vội, chưa tham khảo đầy đủ giá thị trường dẫn đến những sai phạm. Thông qua dự án này, bị cáo học hỏi, tiếp nhận được rất nhiều công nghệ trong lĩnh vực chế tạo chip, mong được giảm nhẹ nhất hình phạt để có cơ hội trở về và cống hiến cho xã hội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Q đề nghị xem xét đến bối cảnh, điều kiện phạm tội của bị cáo theo đó danh mục máy móc thiệt bị và giá của Công ty T14 đưa ra đã được Hoàng Minh B thu nhập và thống nhất từ trước với Ngô Võ Kế T, bị cáo Q chỉ là người thừa hành, thực hiện công việc theo chỉ đạo của bị cáo T, số tiền được trích lại từ các nhà thầu Q đều đưa lại cho T, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không vụ lợi. Đồng thời, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến kết quả của dự án sau khi hoàn thành và đưa vào hoạt động đã giúp Trung tâm R&D nghiên cứu, chế tạo, chuyển giao công nghệ cho các cơ sở trong và ngoài nước, từ đó trung tâm được tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba năm 2018 và huân chương lao động hạng nhì năm 2023 khi xem xét trách nhiệm của bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, xuyên suốt quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm rõ bản chất vụ án, quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, đã tự nguyện nộp lại số tiền 100 triệu đồng, được tập thể cán bộ, công nhân viên của Trung tâm R1, Trung tâm Đào tạo thuộc ban Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo là bộ đội xuất ngũ, hiện là lao động chính trong gia đình, nuôi bà ngoại, mẹ già và 02 con nhỏ. Từ đó, luật sư đề nghị áp dụng điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Đức Q đồng ý bài bào chữa của luật sư và bào chữa bổ sung: Bị cáo nhận thức sai phạm của mình trong dự án, tích cực hợp tác với quan điều tra. Thời điểm thực hiện dự án đây là lần đầu tiên bị cáo thực hiện dự án đầu tư công theo Luật đấu thầu, phải vừa học, vừa làm nên nhận thức chưa đầy đủ theo quy định pháp luật. Bị cáo cũng đề nghị xem xét hiệu quả của dự án Mems sau khi đưa vào hoạt động, bản thân bị cáo không tư lợi, xin được giảm nhẹ hình phạt để chăm sóc bà ngoại, mẹ già và con nhỏ.

Luật sư Trần Đình D2 bào chữa cho bị cáo Trần Duy P3 đề nghị xem xét lại thiệt hại của vụ án, trong đó xem xét đến chi phí thực tế của việc thi công, lắp đặt, giám sát vận hành, thuê chuyên gia chuyển giao công nghệ như các luật sư đồng nghiệp đã trình bày. Đồng thời đề nghị xem xét bị cáo P3 chỉ có hành vi giúp sức trong việc lập không một phần hồ sơ tài chính của năm 2017 của Công ty T14 và có hành vi liên hệ với Công ty kiểm toán theo sự chỉ đạo của Hoàng

Minh B, các hành vi này chỉ giúp sức một phần nhỏ trong toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội của Hoàng Minh B nên bị cáo chỉ giữ vai trò thứ yếu. Về tình tiết tăng nặng, luật sư đề nghị xem xét lại tình tiết phạm tội từ 02 lần trở lên, bởi bị cáo P3 chỉ làm báo cáo tài chính năm 2017 còn việc Bà sử dụng các tài liệu này vào hồ sơ dự thầu nào nằm ngoài khả năng nhận thức của bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, luật sư thống nhất các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đề nghị, đồng thời bổ sung bị cáo có nhiều giấy khen trong quá trình công tác, gia đình có bà ngoại là người có công cách mạng, cha, mẹ, anh, em được tặng nhiều giấy khen. Về nhân thân, bị cáo là người làm công ăn lương, chấp hành tốt quy định pháp luật, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Từ đó, luật sư đề nghị áp dụng quy định tại điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt 03 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Duy P3 thống nhất với quan điểm bào chữa của luật sư và xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện tiếp tục nuôi con nhỏ, chăm sóc gia đình.

Luật sư Lê Thị Thanh L2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đại D đề nghị xem xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo D trong vụ án chỉ giữ vai trò giúp sức, thứ yếu; bị cáo chỉ là nhân viên, hưởng lương theo hợp đồng, được phân công làm hồ sơ dự thầu theo chỉ đạo của Hoàng Minh B, không hưởng lợi. Về tình tiết giảm nhẹ, luật sư đề nghị áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo hướng dẫn của công văn số 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có chú, bác ruột là người thân thích có công với cách mạng; tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Từ đó luật sư đề nghị áp dụng điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo 03 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Đại D thống nhất quan điểm bào chữa của luật sư và bào chữa bổ sung: Thời gian thực hiện 02 gói thầu trên, công ty đang trong thời điểm hoạt động khó khăn, nên khi có dự án thì bị cáo chỉ mong muốn có việc làm để công ty vượt qua giai đoạn này, bản thân bị cáo không vụ lợi, xin giảm nhẹ nhất hình phạt.

Luật sư Ngô Minh T5 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T1 chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, động cơ, mục đích phạm tội các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo

để áp dụng khoản 2 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Chí T1 đồng ý quan điểm bào chữa luật sư và xin được hưởng án treo để đi làm nuôi dạy con cái.

Đại diện bị hại đề nghị xem xét những đóng góp của bị cáo T, Q, dự án C – Vi mạch điện tử mà các bị cáo thực hiện vẫn đang hoạt động, mang lại nhiều lợi ích cho trung tâm nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp quan điểm bào chữa của luật sư và các bị cáo: Đối với tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T là không có cơ sở nên không áp dụng, bởi thời điểm này Cơ quan điều tra đã phát hiện sai phạm tại Trung tâm R1 và thực hiện các hoạt động điều tra cần thiết như ghi lời khai của những người liên quan trong đó có bị cáo Q nên không có cơ sở để áp dụng tình tiết tự thú đối với bị cáo T. Đối với tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và giữ vai trò đồng phạm giúp sức nên không có cơ sở áp dụng điểm I khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với ý kiến về việc xác định thiệt hại của vụ án cần khấu trừ chi phí thực tế mà các bị cáo sử dụng để cải tạo cơ sở vật chất, thuê chuyên gia chuyển giao công nghệ nhưng nội dung này được thoả thuận và ký kết trong hợp đồng trúng thầu trọn gói, không được Bá cập nhật, thu thập chứng từ theo đúng quy định về tài chính kế toán nên không có căn cứ xem xét khấu trừ thiệt hại.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ mới mà luật sư đề nghị xem xét nếu Viện kiểm sát đã nhận định nhưng chưa đề nghị áp dụng hoặc chưa ghi nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng và quyết định theo quy định pháp luật.

Các bên còn đưa ra một số quan điểm đối đáp tranh tụng nhưng kết thúc phần tranh luận đều bảo lưu quan điểm như đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, đề nghị xem xét đến tính hiệu quả tính đến hiện tại của dự án M để giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo sớm cải tạo để tiếp tục trở về cống hiến cho lĩnh vực công nghệ cao, giúp sức cho sự phát triển của thành phố và cả nước; các bị cáo Nguyễn Đại D, Trần Duy P3, Nguyễn Chí T1 xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ

vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 và bị hại Trung tâm R&D thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố H trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo và bị hại: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1, đều thừa nhận hành vi phạm tội. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như kết quả định giá, các hồ sơ, hợp đồng, các thỏa thuận thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và các biên bản hoạt động điều tra, xác minh khác. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1.] Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Ban Q và Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao (Trung tâm R&D) được Hội đồng nhân dân Thành phố H quyết nghị chủ trương và Ủy ban nhân dân Thành phố H quyết định giao triển khai, thực hiện đầu thầu Dự án Đầu tư nâng cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm sản phẩm vi cơ điện tử Thành phố H (Dự án Mems) và Dự án Hệ thống trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ công tác bảo tồn, lai tạo, phát triển nguồn giống nấm phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường Thành phố H (Dự án Nấm) với vai trò là chủ đầu tư. Cơ quan thẩm định, phê duyệt dự án là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố K5. Đề Công ty TNHH T14 của mình được trúng thầu 02 dự án nêu trên, Hoàng Minh B đã lợi dụng các mối quan hệ xã hội, gắp gở, tác động bị cáo là lãnh đạo Sở, cán bộ phòng ban tại Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp đỡ đẩy nhanh quá trình thẩm định phê duyệt Dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt dự toán của 02 dự án; câu kết với bị cáo là đại diện chủ đầu tư và các bị cáo thuộc nhóm công ty tư vấn lập dự toán, thẩm tra dự toán, tư vấn đấu thầu dự án tạo điều kiện cho Công ty T14 tham gia các gói thầu và trúng thầu theo giá mà phía B đưa ra. Hành vi thông thầu, gian lận, không đảm bảo công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu nêu trên đã tạo điều kiện cho Công ty T14 của B tham gia và trúng thầu 02 dự án Mems và N7 với tổng giá trị 159.586.000.000 đồng, gây hậu quả thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản của Nhà nước.

[2.2] Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu

gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 3 Điều 222 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, không sai.

[3] Đối với các bị cáo Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 phạm tội trong vụ án này với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Huỳnh Minh B2. Trong đó, bị cáo Trần Duy P3, Nguyễn Đại D giúp sức cho B2 gây thiệt hại 39.438.638.033 đồng; bị cáo Nguyễn Đức Q, Nguyễn Chí T1 giúp sức cho B2 gây thiệt hại 6.117.682.742 đồng. Cấp sơ thẩm xem xét vai trò của từng bị cáo, mức độ tham gia tội phạm, thiệt hại các bị cáo gây ra, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo P3, D, Q mỗi bị cáo 05 năm tù và bị cáo T1 04 năm tù, gần với mức khởi điểm của khung liên kề của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp, đã xem xét những tình tiết giảm nhẹ các bị cáo cung cấp tại cấp sơ thẩm

[4] Về tính chất, vai trò đồng phạm:

[4.1] Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Minh B là người giữ vai trò khởi xướng tội phạm, chủ động liên hệ với các bị cáo là cán bộ sở ngành về việc đẩy nhanh tiến độ phê duyệt Dự án, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt dự toán dự án; câu kết với các bị cáo là chủ đầu tư và chỉ đạo các bị cáo là nhân viên Công ty T14 thực hiện các hành vi thông thầu, gian lận, không đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu để Công ty T.S.T của Bá được trúng thầu của 02 dự án M và dự án Năm nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ thiệt hại của vụ án là 39.438.638.033 đồng.

[4.2] Bị cáo Ngô Võ Kế T với vai trò người đứng đầu đơn vị Chủ đầu tư đã thông đồng với Hoàng Minh B và chỉ đạo nhân viên cấp dưới hợp thức hồ sơ đấu thầu giúp sức cho Hoàng Minh B gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước. Trong đó, bị cáo H7 giúp sức cho B gây thiệt hại số tiền 33.320.955.291 đồng; bị cáo T giúp sức B gây thiệt hại số tiền 6.117.682.742 đồng.

[4.3] Các bị cáo còn lại trong nhóm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo B (nhưng thấp hơn các bị cáo H7, T). Trong đó, các bị cáo Nguyễn Trần L3, Nguyễn Đại D, Trần Duy P3 giúp sức cho B gây thiệt hại số tiền 39.438.638.033 đồng; các bị cáo Phạm Tấn K, Phạm Văn V giúp sức cho B gây thiệt hại số tiền 33.320.955.291 đồng; các bị cáo Nguyễn Đức Q, Huỳnh Trọng N2, Nguyễn Chí T1 giúp sức cho B gây thiệt hại số tiền 6.117.682.742 đồng.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Minh B, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, thực hiện hành vi vi phạm quy định về đấu thầu, quản lý, sử dụng tài sản công của 02 dự án M và N7, gây thiệt hại cho tài sản

của Nhà nước tại mỗi dự án số tiền đều trên mức cấu thành cơ bản quy định tại Điều 222, Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi lượng hình đối với các bị cáo B, P3, D, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử công khai tại phiên toà, tất cả các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, chủ động khai báo, giúp cơ quan điều tra sớm làm rõ sự thật của vụ án nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.2] Bị cáo Hoàng Minh B trong giai đoạn điều tra đã nộp khắc phục số tiền 1,15 tỷ đồng; giai đoạn chuẩn bị xét xử đã khắc phục thêm 2 tỷ đồng, gia đình bị cáo có ông nội là liệt sỹ, được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Bằng Tổ quốc ghi công; bố đẻ được tặng thưởng Huân chương lao động các hạng Nhì, Ba và nhiều Bằng khen, Giấy khen nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.3] Bị cáo Ngô Võ Kế T trong giai đoạn điều tra đã nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính là 1,6 tỷ đồng, bản thân bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng 02 Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố H; nhiều năm được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; được Bộ trưởng Bộ C4 tặng Kỷ niệm chương có nhiều đóng góp trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc; được tặng nhiều Giấy khen do có thành tích tốt trong công tác nên xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; giai đoạn phúc thẩm đã nộp 930 triệu đồng - đã khắc phục toàn bộ hậu quả; được bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.4] Bị cáo Nguyễn Đức Q trong quá trình điều tra đã nộp lại số tiền hưởng lợi là 100 triệu đồng - là số tiền được bị cáo B cho sau khi đã nghỉ việc tại Trung tâm Đ6; bản thân bị cáo là quân nhân xuất ngũ theo Quyết định số 163/QĐ ngày 25/01/2005; quá trình công tác tại Khu C có nhiều thành tích được tặng giấy khen của Trung tâm Đ6; bị cáo có vai trò giúp việc, không quyết định được việc ký các hợp đồng; được bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.5] Bị cáo Trần Duy P3 có bà ngoại là người có công với cách mạng được

tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bố mẹ và các anh, em ruột được tặng giấy khen; bản thân bị cáo có nhiều công tác thiện nguyện được cơ quan, tổ chức ghi nhận; giai đoạn phúc thẩm đã nộp khắc phục hậu quả với số tiền 50 triệu đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.6] Bị cáo Nguyễn Đại D có chú và bác ruột là Nguyễn Đức B4, Nguyễn Đức Đ4 là liệt sĩ; giai đoạn phúc thẩm đã nộp khắc phục hậu quả với số tiền 50 triệu đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.7] Bị cáo Nguyễn Chí T1 trong quá trình điều tra đã nộp khắc phục 62.150.000 đồng, gia đình bị cáo có ông nội Nguyễn Văn P6 là người có công với cách mạng được tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.8] Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện của bị hại Trung tâm nghiên cứu triển khai Khu công nghệ cao (Trung tâm R&D) thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố H cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo T, Q.

[6.9] Đối với tình tiết giảm nhẹ “tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, mà luật sư bào chữa của bị cáo Ngô Võ Kế T đề nghị áp dụng cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bản chất các sai phạm của bị cáo liên quan đến hoạt động đấu thầu dự án M tại Trung tâm R1 đã được Cơ quan điều tra phát hiện và đang trong quá trình xác minh, ghi lời khai người liên quan để làm rõ nên việc bị cáo tự nguyện viết đơn tự thú khai nhận hành vi sai phạm của bản thân không thuộc trường hợp “tự thú” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mặt khác, tình tiết này đã được Hội đồng xét xử xem xét đánh giá để áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T.

[6.10] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1, đều chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, cũng như xem xét, đánh giá các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, là những người có chuyên môn, năng lực, được đào tạo bài bản trong lĩnh vực công nghệ cao. Các dự án M và N7 mà các bị cáo thực hiện, hiện vẫn hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu về công nghệ của chủ đầu tư. Đồng thời, các dự án đã và đang đóng góp lớn vào lĩnh vực chế tạo chip, cũng như công tác bảo tồn, lai tạo và phát triển nguồn giống nấm phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường của Thành phố Hồ Chí Minh được đại diện bị hại (Trung tâm R&D và Ban Q) ghi nhận và đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, xét tất cả các bị cáo trong vụ án đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng của tội danh tương ứng đối với từng bị cáo.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 và bị hại Trung tâm R&D thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố H; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Chí T1; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D,

Nguyễn Chí T1 và bị hại Trung tâm R&D thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố H.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Chí T1.

- Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt của các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1.

Tuyên xử:

1/ Căn cứ khoản 3 Điều 222 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”.

1.1/. Áp dụng điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Hoàng Minh B** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2023.

1.2/. Áp dụng điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Ngô Võ Kế T** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2023.

1.3/. Áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức Q** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.4/. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Duy P3** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.5/. Áp dụng điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí T1** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.6/. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đại D** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2/ Số tiền nộp khắc phục hậu quả của bị cáo Hoàng Minh B đã nộp (có cha là ông Hoàng Thái S2 nộp thay) là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) theo biên lai thu số 0015287 ngày 10/4/2025 của Cục Thi hành dân sự Thành phố H và 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0015640 ngày 12/5/2025 của Cục Thi hành dân sự Thành phố H, sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

3/ Số tiền nộp khắc phục hậu quả của bị cáo Ngô Võ Kế T đã nộp (do bà Nguyễn Thị H1 nộp thay) là 930.000.000đ (chín trăm ba mươi triệu đồng) và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, tổng cộng là 930.200.000đ (chín trăm ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015136 ngày 01/4/2025 của Cục Thi hành dân sự Thành phố H sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

4/ Số tiền nộp khắc phục hậu quả của bị cáo Trần Duy P3 đã nộp là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 0015365 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành dân sự Thành phố H và 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 0015117 ngày 28/3/2025 của Cục Thi hành dân sự Thành phố H, sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

5/ Số tiền nộp khắc phục hậu quả của bị cáo Nguyễn Đại D đã nộp là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 0015364 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành dân sự Thành phố H và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0015213 ngày 04/4/2025 của Cục Thi hành dân sự Thành phố H, sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

6/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7/ Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Hoàng Minh B, Ngô Võ Kế T, Nguyễn Đức Q, Trần Duy P3, Nguyễn Đại D, Nguyễn Chí T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thọ

Trần Thị Thúy Hồng

Nguyễn Đắc Minh